

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thành tổ chức có tư cách pháp nhân;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-ĐHNLBG-TCHC ngày 28/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Theo nội dung biên bản họp ngày 09/12/2022 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 26&27/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 259 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 26&27/11/2022 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thuộc Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT2212	Nguyễn Văn	An	14/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	Đạt
2	CNTT2213	Chu Ngọc	Anh	27/12/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	Đạt
3	CNTT2214	Dương Thị Vân	Anh	23/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	Đạt
4	CNTT2215	Lư Thế	Anh	26/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt
5	CNTT2216	Phạm Kim	Anh	14/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,5	Đạt
6	CNTT2217	Phan Thế	Anh	12/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,0	Đạt
7	CNTT2218	Trần Đức	Anh	10/10/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
8	CNTT2219	Bùi Thị Ngọc	Ánh	21/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,5	Đạt
9	CNTT2220	Dương Ngọc	Ánh	17/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	Đạt
10	CNTT2221	Mai Thị	Ánh	08/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	7,0	Đạt
11	CNTT2222	Mai Văn	Bảo	14/10/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,0	Đạt
12	CNTT2223	Nguyễn Phương Gia	Bảo	13/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
13	CNTT2224	Phương Văn	Bắc	02/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	Đạt
14	CNTT2225	Trần Đình	Bằng	20/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
15	CNTT2226	Chu Xuân	Cao	05/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	Đạt
16	CNTT2227	Đặng Phúc	Chiến	17/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,0	Đạt
17	CNTT2229	Nguyễn Văn	Chiến	10/08/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	Đạt
18	CNTT2230	Nguyễn Việt	Chinh	14/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	Đạt
19	CNTT2231	Lê Thành	Công	26/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	Đạt
20	CNTT2232	Thân Văn	Cương	11/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	Đạt
21	CNTT2233	Nguyễn Thế	Doanh	12/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
22	CNTT2234	Đồng Duy	Dùng	06/06/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	Đạt
23	CNTT2235	Hà Văn	Dũng	16/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	Đạt
24	CNTT2236	Hoàng Ngọc	Dũng	02/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt
25	CNTT2237	Hoàng Văn	Duy	24/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
26	CNTT2238	Vũ Văn	Duy	15/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,0	Đạt
27	CNTT2239	Nguyễn Mai	Duyên	03/08/2004	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	Đạt
28	CNTT2240	Nguyễn Thị	Duyên	17/03/2004	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	Đạt
29	CNTT2241	Nguyễn Văn	Dur	07/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
30	CNTT2242	Lưu Tùng	Dương	14/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	Đạt
31	CNTT2243	Nguyễn Thị Ánh	Dương	07/01/2005	Bắc Giang	Nữ	7,0	6,0	Đạt
32	CNTT2244	Phan Đình Hải	Dương	01/10/2002	Hải Dương	Nam	6,2	5,5	Đạt
33	CNTT2245	Trần Ngọc	Dương	11/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt
34	CNTT2246	An Thị	Đào	14/03/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,5	Đạt
35	CNTT2247	Đỗ Tuấn	Đạt	22/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	Đạt
36	CNTT2248	Hoàng Văn	Đoàn	19/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
37	CNTT2249	Dương Đức	Độ	05/06/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	7,0	Đạt
38	CNTT2250	Nguyễn Văn	Đông	05/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
39	CNTT2251	Đỗ Văn	Đức	13/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	Đạt
40	CNTT2252	Nguyễn Trung	Đức	24/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,7	6,5	Đạt
41	CNTT2253	Lâm Hồng	Được	24/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	Đạt
42	CNTT2254	Nguyễn Trường	Giang	16/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	Đạt
43	CNTT2255	Chu Ngọc	Hà	16/12/2003	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	Đạt
44	CNTT2256	Đỗ Thái	Hà	09/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
45	CNTT2257	Phạm Thị Ngọc	Hà	18/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	7,0	Đạt
46	CNTT2258	Chu Xuân	Hào	29/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	Đạt
47	CNTT2259	Vi Thị	Hân	26/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	7,0	Đạt
48	CNTT2260	Trần Văn	Hiền	28/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	Đạt
49	CNTT2261	Nguyễn Thúy	Hiền	08/04/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	Đạt
50	CNTT2262	Nguyễn Thị	Hiệp	28/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	Đạt
51	CNTT2263	Chu Minh	Hiếu	06/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	7,0	Đạt
52	CNTT2264	Hà Mạnh	Hiếu	29/07/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,0	Đạt
53	CNTT2265	Nguyễn Hữu	Hiếu	22/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
54	CNTT2266	Nguyễn Ngọc	Hiếu	26/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
55	CNTT2267	Trần Thu	Hoài	26/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	Đạt
56	CNTT2268	Đoàn Ngọc	Hoàng	11/06/2004	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	Đạt
57	CNTT2269	Nguyễn Đình	Hoàng	29/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
58	CNTT2270	Nguyễn Văn	Hoàng	14/11/2005	Thái Nguyên	Nam	6,7	6,5	Đạt
59	CNTT2271	Bùi Đình	Hội	23/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	Đạt
60	CNTT2272	Nguyễn Thị	Huế	13/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	Đạt
61	CNTT2273	Đào Ngọc	Huệ	22/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	Đạt
62	CNTT2274	Địch Thị	Huệ	18/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	Đạt
63	CNTT2275	Dương Thị	Huệ	20/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,2	5,5	Đạt
64	CNTT2276	Ngô Xuân	Hùng	22/09/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
65	CNTT2277	Nguyễn Mạnh	Hùng	24/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	Đạt
66	CNTT2278	Ma Văn	Huy	08/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	Đạt
67	CNTT2279	Nguyễn Thị	Huyền	20/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	Đạt
68	CNTT2280	Hoàng Tuấn	Hưng	26/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	Đạt
69	CNTT2281	Nguyễn Duy	Hưng	22/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
70	CNTT2282	Nguyễn Thị	Hương	13/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,0	Đạt
71	CNTT2283	Lý Thị	Hướng	28/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	7,0	Đạt
72	CNTT2284	Ngô Quang	Hướng	01/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
73	CNTT2285	Lăng Thị	Hường	09/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	Đạt
74	CNTT2286	Nguyễn Thị	Hường	30/07/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	6,0	Đạt
75	CNTT2287	Nguyễn Thị	Hường	12/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	Đạt
76	CNTT2288	Nông Đức	Hường	22/12/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	6,0	Đạt
77	CNTT2289	Nguyễn Gia	Khánh	14/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
78	CNTT2290	Hứa Văn	Lâm	30/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	Đạt
79	CNTT2291	Hoàng	Linh	03/06/2004	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	Đạt
80	CNTT2292	Nguyễn Thị	Linh	02/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	Đạt
81	CNTT2293	Nguyễn Thị	Linh	08/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
82	CNTT2294	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	27/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	Đạt
83	CNTT2295	Giáp Văn	Long	24/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
84	CNTT2296	Hoàng Thế	Long	12/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	Đạt
85	CNTT2297	Nguyễn Văn	Long	28/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	Đạt
86	CNTT2298	Lã Hải	Lộc	10/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	Đạt
87	CNTT2299	Nguyễn Văn	Lợi	04/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
88	CNTT2300	Nguyễn Đức	Luật	20/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	Đạt
89	CNTT2301	Bùi Ngọc	Luyện	03/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	6,5	Đạt
90	CNTT2302	Trần Đức	Lương	15/04/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
91	CNTT2303	Phạm Hồng	Lưu	17/03/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	7,5	Đạt
92	CNTT2304	Đặng Thị Hương	Ly	03/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,5	Đạt
93	CNTT2305	Hoàng Diệu	Ly	02/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	6,5	Đạt
94	CNTT2306	Nguyễn Thị Khánh	Ly	26/08/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	Đạt
95	CNTT2307	Vũ Thị Mai	Ly	09/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	Đạt
96	CNTT2308	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27/09/2004	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	Đạt
97	CNTT2309	Đỗ Đức	Mạnh	01/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,5	Đạt
98	CNTT2310	Hoàng Đức	Mạnh	24/09/2004	Bắc Giang	Nam	6,5	7,0	Đạt
99	CNTT2311	Nguyễn Văn	Mạnh	01/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
100	CNTT2312	Phan Văn	Mạnh	09/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	Đạt
101	CNTT2313	Nguyễn Văn	Minh	18/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,0	Đạt
102	CNTT2314	Vi Ngọc	Minh	29/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,5	Đạt
103	CNTT2315	Phạm Thị	My	07/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,0	Đạt
104	CNTT2316	Nguyễn Văn	Nghiệp	11/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	Đạt
105	CNTT2317	Trần Quang	Nghiệp	03/12/2005	Bắc Giang	Nam	7,5	7,0	Đạt
106	CNTT2318	Lê Thị	Ngoan	22/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	Đạt
107	CNTT2319	Dương Minh	Ngọc	23/04/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	6,5	Đạt
108	CNTT2320	Đinh Minh	Nguyên	11/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	Đạt
109	CNTT2321	Vũ Thảo	Nguyên	01/09/2004	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
110	CNTT2322	Nguyễn Thị Yên	Nhi	04/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	Đạt
111	CNTT2323	Đặng Thúy	Nhị	22/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,0	Đạt
112	CNTT2324	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	28/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	Đạt
113	CNTT2325	Hoàng Thị	Phương	28/10/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,5	Đạt
114	CNTT2326	Vũ Thị	Phương	09/06/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	7,0	Đạt
115	CNTT2327	Nguyễn Thị	Phượng	15/10/1997	Bắc Giang	Nữ	7,0	8,0	Đạt
116	CNTT2328	Chu Xuân	Quang	25/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	Đạt
117	CNTT2329	Dương Xuân	Quang	28/11/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	Đạt
118	CNTT2330	Thân Văn	Quang	30/08/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
119	CNTT2331	Hứa Minh	Quân	27/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,3	5,5	Đạt
120	CNTT2332	Trần Minh	Quân	31/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,4	5,5	Đạt
121	CNTT2333	Đàm Văn	Quyền	21/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
122	CNTT2334	Phạm Chí	Quyết	26/05/2005	Thái Nguyên	Nam	6,0	5,5	Đạt
123	CNTT2335	Bùi Ngọc	Quỳnh	19/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	Đạt
124	CNTT2336	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	12/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	Đạt
125	CNTT2337	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	08/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	Đạt
126	CNTT2338	Phạm Văn	Quỳnh	18/05/2005	Bắc Giang	Nam	5,7	5,5	Đạt
127	CNTT2339	Nguyễn Trí	Sang	29/06/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	7,5	Đạt
128	CNTT2340	Lương Thị	Sáng	01/01/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	7,0	Đạt
129	CNTT2341	Nguyễn Ngọc	Son	02/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,0	Đạt
130	CNTT2342	Thân Văn	Tài	03/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
131	CNTT2343	Lâm Văn	Tâm	15/04/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	Đạt
132	CNTT2344	Phạm Đình	Tâm	07/08/2004	Bắc Giang	Nam	5,5	5,0	Đạt
133	CNTT2345	Đỗ Minh	Tân	19/06/2003	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt
134	CNTT2346	Nông Văn	Tân	13/05/2004	Bắc Giang	Nam	6,0	5,5	Đạt
135	CNTT2347	Đồng Đình Anh	Thái	08/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	Đạt
136	CNTT2348	Nguyễn Văn	Thái	22/09/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	6,0	Đạt
137	CNTT2349	Nguyễn Thị Thu	Thanh	12/07/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
138	CNTT2350	Võ Tiến	Thành	28/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	5,5	Đạt
139	CNTT2351	Vi Bách	Thảo	25/09/2003	Bắc Giang	Nam	6,5	6,5	Đạt
140	CNTT2352	Vũ Thị Thanh	Thảo	08/02/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	7,0	Đạt
141	CNTT2353	Nguyễn Thị	Thắm	21/01/2004	Bắc Giang	Nữ	7,0	5,5	Đạt
142	CNTT2354	Đồng Minh	Thiệt	02/10/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	Đạt
143	CNTT2355	Đồng Thị	Thơ	29/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	5,0	Đạt
144	CNTT2356	Bùi Thị	Thu	09/02/2004	Bắc Giang	Nữ	6,7	6,0	Đạt
145	CNTT2357	Nguyễn Huy	Thuần	06/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt
146	CNTT2358	Nông Thị	Thuần	01/06/1997	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,0	Đạt
147	CNTT2359	Nguyễn Thị	Thúy	04/11/2005	Bắc Giang	Nữ	5,7	6,0	Đạt
148	CNTT2360	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	27/05/2005	Bắc Giang	Nữ	6,2	5,0	Đạt
149	CNTT2361	Đoàn Thu	Thùy	28/09/2005	Bắc Giang	Nữ	6,0	5,5	Đạt
150	CNTT2362	Nguyễn Đăng	Thường	20/09/2004	Bắc Giang	Nam	7,0	5,5	Đạt
151	CNTT2363	Nông Mạnh	Tiến	08/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
152	CNTT2364	Dương Mạnh	Toàn	05/07/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt
153	CNTT2365	Hứa Minh	Toàn	10/02/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	Đạt
154	CNTT2366	Mông Đức	Toản	30/08/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,5	Đạt
155	CNTT2367	Nguyễn Văn	Tôn	25/05/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
156	CNTT2368	Nguyễn Thị	Trang	14/08/2005	Bắc Giang	Nữ	5,7	6,0	Đạt
157	CNTT2369	Nguyễn Tiến	Trang	25/03/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	Đạt
158	CNTT2370	Vũ Văn	Trọng	17/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	Đạt
159	CNTT2371	Bùi Văn	Trung	20/05/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
160	CNTT2372	Hoàng Mạnh	Trường	02/11/2005	Bắc Giang	Nam	5,7	6,0	Đạt
161	CNTT2373	Nguyễn Văn	Trường	21/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	Đạt
162	CNTT2374	Lê Anh	Tú	30/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,7	5,5	Đạt
163	CNTT2375	Địch Duy	Tuấn	18/01/2005	Bắc Giang	Nam	5,7	6,0	Đạt
164	CNTT2376	Ngô Bùi	Tuấn	15/12/2003	Bắc Giang	Nam	6,0	5,0	Đạt
165	CNTT2377	Đoàn Xuân	Tùng	13/02/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
166	CNTT2378	Trần Thanh	Tùng	22/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	Đạt
167	CNTT2379	Bùi Văn	Tuyền	18/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	Đạt
168	CNTT2380	Nguyễn Ngọc	Tuyền	10/12/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	6,0	Đạt
169	CNTT2381	Nguyễn Văn	Tuyền	27/10/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
170	CNTT2382	Giáp Ngọc	Anh	27/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	5,0	Đạt
171	CNTT2383	Tôn Trọng	Hưng	22/07/1990	Bắc Giang	Nam	7,5	5,5	Đạt
172	CNTT2384	Vi Thị Thanh	Hương	13/09/1995	Bắc Giang	Nữ	8,0	6,0	Đạt
173	CNTT2385	Nguyễn Thị	Mai	08/03/1998	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,0	Đạt
174	CNTT2386	Trần Thị	My	24/09/1993	Bắc Giang	Nữ	7,7	6,0	Đạt
175	CNTT2387	Hà Hồng	Nhung	22/10/1991	Bắc Giang	Nữ	8,2	6,0	Đạt
176	CNTT2388	Trần Thị	Quýt	03/02/1993	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,0	Đạt
177	CNTT2389	Hoàng Văn	Thắng	27/03/1971	Bắc Ninh	Nam	7,5	5,0	Đạt
178	CNTT2390	Hoàng Thị Hồng	Thủy	25/02/2000	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,0	Đạt
179	CNTT2391	Vũ Đình	Tuyền	31/12/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt
180	CNTT2392	Lương Nhất	Tứ	16/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,2	5,5	Đạt
181	CNTT2393	Hà Thị Thu	Uyên	30/10/2005	Bắc Giang	Nữ	7,5	5,0	Đạt
182	CNTT2395	Đỗ Ngọc	Vân	17/01/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	Đạt
183	CNTT2396	Lê Hà	Vi	16/11/2005	Bắc Giang	Nữ	6,5	5,5	Đạt
184	CNTT2397	Lý Văn	Vĩ	16/12/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	5,0	Đạt
185	CNTT2398	Đồng Văn	Việt	16/11/2005	Bắc Giang	Nam	7,0	5,0	Đạt
186	CNTT2399	Hoàng Văn	Việt	24/11/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,0	Đạt
187	CNTT2400	Nguyễn Quang	Vinh	09/06/2005	Bắc Giang	Nam	7,2	5,5	Đạt
188	CNTT2401	Vũ Thành	Vinh	21/10/2004	Bắc Giang	Nam	6,2	6,5	Đạt
189	CNTT2402	Đồng Minh	Vương	08/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,5	6,0	Đạt
190	CNTT2403	Dương Văn	Vương	21/09/2005	Bắc Giang	Nam	6,0	6,0	Đạt
191	CNTT2404	Hoàng Quang	Vương	07/09/2004	Bắc Giang	Nam	6,7	6,0	Đạt
192	CNTT2405	Triệu Văn	Biên	08/07/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	5,5	Đạt
193	CNTT2406	Nguyễn Thanh	Bình	15/09/2005	Lạng Sơn	Nam	7,0	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
194	CNTT2407	Nông Văn	Bộ	01/02/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	5,5	Đạt
195	CNTT2408	Lương Thủy	Chiều	28/06/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,7	6,0	Đạt
196	CNTT2409	Vi Văn	Chung	09/03/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	5,5	Đạt
197	CNTT2410	Tô Quốc	Cường	08/12/2005	Lạng Sơn	Nam	6,5	5,0	Đạt
198	CNTT2411	Vi Việt	Cường	20/10/2005	Lạng Sơn	Nam	7,5	6,0	Đạt
199	CNTT2412	Lý Anh	Dũng	16/01/2005	Lạng Sơn	Nam	6,7	6,0	Đạt
200	CNTT2413	Triệu Văn	Dũng	02/08/2005	Lạng Sơn	Nam	6,5	7,0	Đạt
201	CNTT2414	Linh Quang	Duy	13/12/2005	Lạng Sơn	Nam	7,7	5,5	Đạt
202	CNTT2415	Mã Văn	Duy	03/07/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	5,5	Đạt
203	CNTT2417	Hoàng Trung	Đoàn	26/10/2005	Lạng Sơn	Nam	7,2	6,0	Đạt
204	CNTT2418	Dương Thị Thu	Hằng	18/10/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,2	6,0	Đạt
205	CNTT2419	Vi Đức	Hiệp	09/02/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	6,0	Đạt
206	CNTT2420	Chu Văn	Hiếu	10/10/2005	Lạng Sơn	Nam	6,5	6,0	Đạt
207	CNTT2421	Nguyễn Văn	Hiếu	28/03/2005	Lạng Sơn	Nam	6,0	6,5	Đạt
208	CNTT2422	Vi Văn	Hiếu	15/12/2005	Lạng Sơn	Nam	7,2	5,5	Đạt
209	CNTT2423	Vũ Minh	Hiếu	18/07/2004	Lạng Sơn	Nam	6,2	5,5	Đạt
210	CNTT2424	Hoàng Huy	Hiệu	22/05/2005	Lạng Sơn	Nam	7,0	5,0	Đạt
211	CNTT2425	Nông Trung	Học	06/01/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	5,5	Đạt
212	CNTT2426	Nông Bích	Hồng	28/10/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,5	5,5	Đạt
213	CNTT2427	Lương Thanh Tú	Hợp	13/07/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,7	6,5	Đạt
214	CNTT2428	Hoàng Tiến	Hùng	09/05/2005	Lạng Sơn	Nam	6,0	6,5	Đạt
215	CNTT2429	Khổng Mạnh	Hùng	11/08/1976	Lạng Sơn	Nam	7,5	8,5	Đạt
216	CNTT2430	Vi Mạnh	Hùng	15/09/2005	Lạng Sơn	Nam	6,7	7,0	Đạt
217	CNTT2431	Vi Văn	Huy	01/01/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	5,5	Đạt
218	CNTT2432	Tạ Thị Khánh	Huyền	10/07/2005	Lạng Sơn	Nữ	7,0	7,5	Đạt
219	CNTT2433	Hoàng Văn	Lai	24/01/2004	Lạng Sơn	Nam	6,2	6,5	Đạt
220	CNTT2434	Lương Quốc	Lập	05/03/2004	Lạng Sơn	Nam	6,0	6,0	Đạt
221	CNTT2435	Vi Diệu	Linh	17/12/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,5	7,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
222	CNTT2436	Vi Xuân	Lộc	14/06/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	5,0	Đạt
223	CNTT2437	Nông Thị Khánh	Ly	09/07/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,7	6,0	Đạt
224	CNTT2438	Nguyễn Thị Trung	Mai	12/02/1980	Nam Định	Nữ	7,5	7,5	Đạt
225	CNTT2439	Nguyễn Văn	Nam	21/04/2005	Lạng Sơn	Nam	6,5	6,5	Đạt
226	CNTT2440	Nguyễn Thị	Nga	27/08/2005	Lạng Sơn	Nữ	7,2	6,5	Đạt
227	CNTT2441	Hoàng Chính	Nghĩa	24/10/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	7,0	Đạt
228	CNTT2442	Vi Thị	Ngọc	14/08/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,0	6,0	Đạt
229	CNTT2443	Nguyễn Thúy	Nhi	29/04/2005	Lạng Sơn	Nữ	7,2	5,5	Đạt
230	CNTT2444	Linh Thế	Phong	13/12/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	7,5	Đạt
231	CNTT2445	Hoàng Nguyễn	Phúc	15/11/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	5,5	Đạt
232	CNTT2446	Nông Văn	Phúc	03/06/2005	Lạng Sơn	Nam	6,5	6,5	Đạt
233	CNTT2447	Hoàng Minh	Quân	07/02/2005	Lạng Sơn	Nam	6,0	6,0	Đạt
234	CNTT2448	Nông Thị	Quý	20/07/1982	Lạng Sơn	Nữ	7,5	6,5	Đạt
235	CNTT2450	Lâm Thi	Quyên	27/02/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,2	6,5	Đạt
236	CNTT2451	Lưu Thị	Quỳnh	08/08/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,5	7,0	Đạt
237	CNTT2452	Đàm Khánh	Tân	03/09/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	5,5	Đạt
238	CNTT2453	Nguyễn Vũ	Thành	11/08/2005	Lạng Sơn	Nam	7,0	6,0	Đạt
239	CNTT2454	Hoàng Thị	Thoan	01/03/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,7	7,0	Đạt
240	CNTT2455	Triệu Việt	Thông	17/06/2004	Lạng Sơn	Nam	6,0	6,5	Đạt
241	CNTT2456	Chu Văn	Thụ	14/05/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	7,0	Đạt
242	CNTT2457	Lăng Thị	Thúy	22/09/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,5	7,0	Đạt
243	CNTT2458	Hoàng Văn	Thức	06/08/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	6,0	Đạt
244	CNTT2459	Lâm Thị	Thường	11/08/2005	Lạng Sơn	Nữ	7,5	7,0	Đạt
245	CNTT2460	Lăng Thị	Tình	21/08/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,2	6,0	Đạt
246	CNTT2461	Nông Văn	Toán	27/07/2005	Lạng Sơn	Nam	7,0	6,5	Đạt
247	CNTT2462	Lương Văn	Toán	04/10/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	6,0	Đạt
248	CNTT2464	Vũ Thu	Trâm	11/08/2005	Lạng Sơn	Nữ	6,2	5,5	Đạt
249	CNTT2466	Phạm Văn	Trường	25/11/2005	Lạng Sơn	Nam	6,7	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
250	CNTT2467	Bế Quang	Tuấn	02/07/1989	Lạng Sơn	Nam	7,7	8,5	Đạt
251	CNTT2468	Hoàng Quang	Tuấn	23/05/2004	Lạng Sơn	Nam	6,7	6,0	Đạt
252	CNTT2469	Hứa Anh	Tuấn	08/08/2005	Lạng Sơn	Nam	6,7	7,0	Đạt
253	CNTT2470	Lục Anh	Tuấn	09/06/2005	Lạng Sơn	Nam	6,0	7,0	Đạt
254	CNTT2471	Lương Trí	Vĩ	18/09/2004	Lạng Sơn	Nam	7,2	6,0	Đạt
255	CNTT2472	Hoàng Đức	Viện	12/09/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	6,0	Đạt
256	CNTT2473	Phùng Đức	Việt	02/08/2005	Lạng Sơn	Nam	6,2	6,0	Đạt
257	CNTT2474	Vi Chung	Việt	22/08/2005	Lạng Sơn	Nam	6,5	6,5	Đạt
258	CNTT2475	Nông Văn	Vương	22/04/2005	Lạng Sơn	Nam	6,0	6,5	Đạt
259	CNTT2476	Phùng Văn	Vương	02/04/2005	Lạng Sơn	Nam	7,2	6,0	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 259./.